TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ TỈNH KIÊN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **66**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 7 - 2019
V/v: *"Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu In

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chung Kim Sang

Ông Cao Trọng Mãnh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 195/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019, về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Lê Quang T, sinh năm 1989 *(có mặt)*;

Địa chỉ: Số 13 đường N, khu phố 1, phường A, Tp. R, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Chị Ngô Thị Tú A, sinh năm 1991 *(có mặt)*;

Địa chỉ: Lô P2 - C58 khu đô thị P, đường 3/2, khu phố 5, phường A, Tp. R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 06/11/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Lê Quang T trình bày:* Tôi và chị Tú A tự nguyện quen biết, chung sống có tổ chức lễ cưới vào năm 2013, có đăng ký kết hôn và được UBND phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/5/2013.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là

do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, vợ chồng không còn yêu thương nhau nên thường xuyên xảy ra cự cãi, bất hòa. Vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng cuối năm 2017 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh T làm đơn xin ly hôn với chị Tú A.

- Về con chung: Anh T xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Lê Ngô Trâm A1, sinh ngày 07/7/2014. Anh T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Tú A cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh T yêu cầu giao con chung cho chị Tú A nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Anh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T xác định không có.

* Bị đơn chị Ngô Thị Tú A có ý kiến trình bày:

- Về hôn nhân: Chị không đồng ý ly hôn với anh Lê Quang T, vì mái anh gia đình, vì con còn nhỏ chị muốn giữ gia đình trọn vẹn.

Chị Tú A xác định trong quá trình chung sống chị không vi phạm về Luật Hôn nhân và gia đình, vợ chồng chung sống cũng không có xảy ra mâu thuẩn, chị Tú A chỉ xảy ra mâu thuẩn với em ruột của anh T, nên anh T giận và bỏ về sống ở nhà mẹ ruột, vợ chồng từ khi chung sống không có xảy ra mâu thuẩn gì nghiêm trọng nên chị Tú A không đồng ý lý hôn với anh T, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét để được hàn gắn đoàn tụ với anh T. Nếu Hội đồng xét xử xem xét cho chị cơ hội hàn gắn đoàn tụ thì chị sẽ cố gắng hết sức để thuyết phục anh T về chung sống với chị.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Lê Ngô Trâm A1, sinh ngày 07/7/2014.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Lê Quang T khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với chị Ngô Thị Tú A. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28;

điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quang T và chị Ngô Thị Tú A kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2013, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được UBND phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/5/2013, nên theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân xin ly hôn anh T xác nhận là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, vợ chồng không còn yêu thương nhau nên thường xuyên xảy ra cự cãi, bất hòa; mặc dù anh T và chị Tú A đã tự hòa giải để đoàn tụ và được hai bên gia đình hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên sâu sắc và anh chị đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2017. Nay anh T xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn với chị Tú A.

Phía chị Tú A không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T, chị Tú A xác định vì con chung còn nhỏ và muốn giữ gia đình trọn vẹn.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã động viên anh T cho chị Tú A cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tuy nhiên anh T xác định không còn tình cảm với chị Tú A, đồng thời trong thời gian sống ly thân vợ chồng cũng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, nên anh T kiên quyết xin ly hôn với chị Tú A, không đồng ý hàn gắn tình cảm vợ chồng theo yêu cầu của chị Tú A.

Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng anh T và chị Tú A không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc; thời gian anh chị sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị Tú A.

- Về con chung: Anh T, chị Tú A xác định quá trình chung sống có 01 người con chung tên Lê Ngô Trâm A1, sinh ngày 07/7/2014, hiện nay đang sống với chị Tú A. Anh T yêu cầu giao con chung cho chị Tú A nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi dưỡng mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Trâm A1 sống chung với mẹ là chị Tú A, do cháu còn nhỏ nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, đồng thời anh T cũng đồng ý giao con chung cho chị Tú A tiếp tục nuôi dưỡng. Nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Trâm A1 cho chị Tú A tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Do anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung: Anh T, chị Tú A xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T, chị Tú A xác định không có.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc anh Lê Quang T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, anh T được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003915 ngày 06/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, nên anh T phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Quang T được ly hôn với chị Ngô Thị Tú A.

2/ Về con chung: Giao người con chung tên Lê Ngô Trâm A1, sinh ngày 07/7/2014 cho chị Ngô Thị Tú A tiếp tục nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Quang T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)* cho đến khi cháu Trâm A1 đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng đầu tiền là vào ngày 01/9/2019 và ngày 01 (một) hàng tháng tiếp theo cho đến khi cháu Trâm A1 đủ 18 tuổi.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền cấp dưỡng hoặc giao nhận tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh Lê Quang T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Anh Lê Quang T, chị Ngô Thị Tú A xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Anh Lê Quang T, chị Ngô Thị Tú A xác định không có.

5/ Về án phí: Buộc anh Lê Quang T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Anh T được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003915 ngày 06/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; nên anh T phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN THU IN

** Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu./.